

Bản án số: 89/2022/DS-ST

Ngày: 19-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

Ông Nguyễn Đình Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên- Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1048/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ trụ sở: Số 130 đường ĐL, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phan Nguyễn Vân A, sinh năm 1986, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 08/QĐ-Q03 ngày 24 tháng 02 năm 2021) (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 15A/48 đường TT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phan Nguyễn Vân A đều trình bày:

Ngày 29 tháng 3 năm 2016, bị đơn là bà Hoàng Thị Minh N có ký với nguyên

đơn Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ Đợt vay 0123811901T16015, số tiền 135.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất 7,5%/năm, mục đích vay tiêu dùng.

Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.000.000 đồng và đã thanh toán 49.566.380 đồng nợ gốc, nợ lãi và phí. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn không có thiện chí thanh toán nợ. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 08 tháng 8 năm 2017, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 169.614.067 đồng còn nợ, gồm: 108.671.325 đồng nợ gốc, 27.387.295 đồng tiền lãi trong hạn và 33.555.447 đồng tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 và tiền lãi phát sinh từ ngày 20 tháng 4 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ Đợt vay 0123811901T16015 ngày 29 tháng 3 năm 2016.

Bị đơn là bà Hoàng Thị Minh N không có mặt trong suốt quá trình tố tụng, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Hoàng Thị Minh N có địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng tại số 15A/48 đường TT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 15A/48 đường TT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú, không rõ địa chỉ cư ngụ. Căn cứ điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định

của Luật Cư trú nên địa chỉ Số 15A/48 đường TT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Xét thấy, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”; Trường hợp bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

## [2] Về nội dung vụ án:

Theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ Đợt vay 0123811901T16015 ngày 29 tháng 3 năm 2016 và các Bảng tính lãi... thì nguyên đơn thỏa thuận cấp cho bị đơn thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 135.000.000 đồng đúng như nguyên đơn trình bày. Việc cấp thẻ này được thực hiện theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ Đợt vay 0123811901T16015 ngày 29 tháng 3 năm 2016 và được niêm yết tại trang web của nguyên đơn.

Theo Bảng tính lãi và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 135.000.000 đồng và phát sinh các khoản tiền lãi. Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 27 tháng 7 năm 2017, bị đơn đã thanh toán tổng cộng số tiền là 49.566.380 đồng được trừ vào gốc và lãi; Trong

thời gian này, bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền. Theo mục III của Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016, bị đơn cam kết thanh toán vốn và lãi đúng hạn theo quy định của nguyên đơn, trường hợp thanh toán trễ hạn bị đơn đồng ý chịu thêm lãi quá hạn theo quy định của nguyên đơn. Nếu đến hạn thanh toán mà bị đơn không trả nợ vay đầy đủ thì nguyên đơn được quyền chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nợ quá hạn trong ngày đó và chịu mức lãi suất phạt quá hạn bằng 1,5 lần mức lãi suất cho vay trong hạn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 29 tháng 3 năm 2016, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi được tính đúng theo thỏa thuận của hai bên.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn, chuyển nợ quá hạn của thẻ tín dụng từ ngày 08 tháng 8 năm 2017 và tiến hành thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng; Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Luật Các tổ chức tín dụng.

Tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 29 tháng 3 năm 2016 thì mức lãi suất là 7,5%/năm; mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 11,25%/năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 169.614.067 đồng còn nợ của hợp đồng tín dụng nêu trên, gồm: 108.671.325 đồng nợ gốc, 27.387.295 đồng lãi trong hạn và 33.555.447 đồng lãi quá hạn đến ngày 19 tháng 4 năm 2022. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 20 tháng 4 năm 2022 theo mục III của Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu 8.480.703 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc bà Hoàng Thị Minh N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 169.614.067 đồng còn nợ theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 29 tháng 3 năm 2016, gồm: 108.671.325 đồng nợ gốc, 27.387.295 đồng nợ lãi trong hạn và 33.555.447 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022.

Kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 29 tháng 3 năm 2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ Đợt vay 0123811901T16015 ngày 29 tháng 3 năm 2016 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.480.703 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A 3.815.228 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0030371 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**